

Bản án số: 66/2026/HS-ST
Ngày: 24-03-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Văn Xô

Các Hội thẩm nhân dân: ông Dương Minh Ngọc

ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Kiều Hnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Doãn Thọ- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2026 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 01/TA ngày 18 tháng 03 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Đình A**; Giới tính: nam; Sinh ngày: 09/5/2000, tại: xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn Tịch Tây, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: lao động phổ thông; con ông Trần Đình K (sinh năm 1973) và bà Võ Thị Nh (sinh năm 1972); bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "tạm giữ" từ ngày 04/7/2025 và chuyển sang "tạm giam" từ ngày 13/7/2025. Hiện B bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Quang B**; giới tính: nam; Sinh ngày: 12/12/2001, tại: xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKHKT và chỗ ở: thôn Thanh Long, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: thợ xăm hình; con ông Lê Quang T (sinh năm 1968) và bà Dương Thị C (sinh năm 1969); bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "tạm giữ" từ ngày 04/7/2025 và chuyển sang "tạm giam" từ ngày 13/7/2025. Hiện B bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Dương Thị C, sinh năm: 1969; trú tại: thôn Thanh Long, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

+ Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1993; trú tại: thôn Tịch Tây, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

+ Ông An Văn N, sinh năm: 2002; trú tại: Thôn Thanh Long, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

+ Ông Võ Văn T1, sinh năm: 2002; trú tại: Thôn Tịch Tây, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

+ Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1970; trú tại: Thôn Thanh Long, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Châu Ngọc N1, sinh năm: 1989; trú tại: Thôn Thanh Long, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2025, Trần Đình A bán ma túy giúp cho T, T nói với A khi nào có người mua ma túy thì A mua giúp, A là người trực tiếp liên hệ đến T, kiểm tra lai lịch người mua ma túy sẽ báo lại cho T, sau khi T đồng ý thì A báo lại cho người mua chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của T, nếu người mua không có tài khoản ngân hàng mà đưa tiền mặt thì A cầm tiền đưa trực tiếp cho T và mang ma túy cho người mua nếu là chuyển khoản ngân hàng thì T sẽ chỉ A đến vị trí T vứt gói ma túy để lấy. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 03/7/2025, Lê Quang B nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng và bán lại cho người khác để kiếm lời, B lấy điện thoại di động gắn sim số 0395609521 của bà Dương Thị C (là mẹ ruột của B) gọi điện vào số điện thoại 0867247397 của A để hỏi A mua “nửa G” ma túy đá với giá bao nhiêu tiền và mua giúp cho B. Sau đó, A dùng số điện thoại 0867247397 gọi điện vào số điện thoại số điện thoại 0362281133 của Nguyễn Tấn T hỏi “nửa G” ma túy đá có giá bao nhiêu tiền, T báo giá là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng). Nghe xong, A gọi điện thoại lại cho B nói là “nửa G” ma túy giá 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng). Tại đây, A nói B chạy lên nhà A để A dẫn B đi mua ma túy. Sau đó, B trả lại điện thoại cho bà C. Do không có phương tiện đi đến gặp A nên B qua nhà An Văn N mượn xe mô tô biển số 92N1-767.94, nhãn hiệu Sirius, đồng thời mượn điện thoại của N để đăng nhập vào ứng dụng ví điện tử Momo của mình và đi đến nhà A. Khi đến nơi, A đưa số tài khoản 040080023921 thuộc ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín của T cho B và nói B chuyển số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) cho T còn số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) quét mã QR chuyển tiền qua tài khoản Game cho A (số tiền này A đã hỏi ý kiến của T nên nhận từ B). Sau khi chuyển tiền xong, T gọi điện thoại cho A nói A đến chỗ cầu bê tông thuộc thôn Long Bình, xã Núi Thành, thành phố

Đà Nẵng để giao dịch ma T1y. Sau đó, A điều khiển xe mô tô chở B đến khu vực trên thì thấy T điều khiển xe chở theo một người nam không rõ lai lịch chạy ngược chiều với A, lúc này T điều khiển xe mô tô dừng lại trên cầu. Thấy vậy, A quay đầu xe chạy đến và dừng lại sau xe T thì T ra hiệu chỉ chỗ vứt gói ma T1y dưới lề đường rồi điều khiển xe đi. A nói B xuống xe lấy gói ma T1y mà T vứt, lấy xong A nói B điều khiển xe chở A về nhà A. Sau đó, B mang gói ma T1y về nhà và lấy một lượng ít ma T1y (đá) sử dụng một mình, số còn lại B cất giấu trong phòng ngủ và khi ai có nhu cầu mua thì B sẽ bán lại kiếm lời nhưng chưa kịp bán cho ai thì bị Đoàn Biên phòng CKC Kỳ Hà phối hợp với Đội Đặc nhiệm PCMT&TP, Phòng Nghiệp vụ BDBP thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang đối với Lê Quang B và tạm giữ các tang vật:

- 01 (một) gói ni lông không màu, được hàn kín ba cạnh, kích thước khoảng (2,5 x 2,0) cm, bên trong có chứa chất tinh thể rắn, màu trắng (đã tiến hành niêm phong).

- 01 (một) nỏ thủy tinh, 01 (một) chai nhựa loại 280ml, nhãn hiệu WONDERFARM, trên nắp chai có đục 02 (hai) lỗ tròn. Trong đó, 01 (một) lỗ gắn nỏ thủy tinh đã bị bể phần bầu nỏ và 01 (một) lỗ gắn ống hút nhựa.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu “mobell” bên trong có gắn thẻ sim Viettel số 0867247397, tình trạng đã qua sử dụng. Tạm giữ của Trần Đình A (đã tiến hành niêm phong). (các bút lục:)

* Đoàn Biên phòng CKC Kỳ Hà tiến hành làm việc với Trần Đình A và Lê Quang B tiến hành test thử nước tiểu thì A, B đều dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine.

* Ngoài ra, trong khoảng tháng 6/2025, Trần Đình A còn 01 lần bán ma túy cho Võ Văn T1 (sinh năm 2002, trú: thôn Tịch Tây, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng) và là trung gian giúp sức cho T và B mua bán ma túy với nhau 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Vào một ngày khoảng đầu tháng 6/2025, B đến nhà A tại thôn Tịch Tây, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng đưa A 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhờ A mua giúp ma T1y để B sử dụng, A gặp và đưa tiền mặt cho T mua ma T1y mang về đưa cho B. Số ma túy trên B đã sử dụng hết.

- Lần thứ hai: Vào một ngày khoảng giữa tháng 6/2025, B đến nhà A tại thôn Tịch Tây, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng đưa A 200.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhờ A mua giúp ma T1y để B sử dụng, A đến gặp trực tiếp T mua ma T1y mang về đưa cho B. Số ma túy trên B đã sử dụng hết.

- Lần thứ 3: Vào một ngày khoảng đầu tháng 6/2025, Trần Đình A mua của T 01 gói ma túy giá 250.000 đồng, sau đó Võ Văn T1 đến nhà A tại thôn Tịch Tây, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng hỏi mua ma túy để sử dụng, A bán cho Võ Văn T1 gói ma túy trên với giá 300.000 đồng.

* Tại Bản kết luận giám định số: 45/KL-KTHS, ngày 06 tháng 7 năm 2025 của Phân viện kỹ thuật hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

Chất rắn dạng tinh thể màu trắng bên trong gói ni lông không màu được hàn kín, kích thước (2,5 x 2,0) cm, niêm phong trong phong bì dán kín mặt sau tại mép dán

của phong bì niêm phong có các chữ ký, chữ viết ghi họ tên Lê Quang B, Châu Ngọc N1, Huỳnh Nguyễn Tuấn Bình, Trịnh Xuân Sơn và 04 hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “ĐỒN BIÊN PHÒNG CỬA KHẨU CẢNG KỲ HÀ - BỘ C.H.B.Đ.B.P TỈNH QUẢNG NAM” gửi giám định là ma T1y, loại Methamphetamine; có khối lượng là 0,277 gam (không phải hai trăm bảy mươi bảy gam). Hoàn trả mẫu giám định là 0,260 gam và vỏ bao được niêm phong trong phong bì niêm phong số 45/KL-KTHS dán kín, mặt sau tại mép dán niêm phong có dấu đỏ của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng, các chữ ký, chữ viết ghi họ tên Trần Thị Dung và Trịnh Xuân Sơn.

Tại bản Cáo trạng số 98/CT-VKSKV5 ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng quyết định truy tố bị cáo: Trần Đình A về tội: “Mua bán trái phép chất ma T1y” theo điểm b khoản 2 Điều 251, bị cáo Lê Quang B về tội “Mua bán trái phép chất ma T1y” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: giữ nguyên quyết định của cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Trần Đình A về tội: “Mua bán trái phép chất ma T1y” theo điểm b khoản 2 Điều 251, bị cáo Lê Quang B về tội “Mua bán trái phép chất ma T1y” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Trần Đình A; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) đối với bị cáo Lê Quang B;

Xử phạt bị cáo: Trần Đình A từ 07 năm tù đến 08 năm tù;

Xử phạt bị cáo: Lê Quang B từ 03 năm tù đến 04 năm tù;

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được đưa ra xem xét, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bị cáo Trần Đình A bị truy tố về tội: “*Mua bán trái phép chất ma T1y*” theo điểm b khoản 2 Điều 251; bị cáo Lê Quang B bị truy tố về tội “*Mua bán trái phép chất ma T1y*” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 5-Đà Nẵng theo quy định tại Điều 268 và Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Đà Nẵng, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Việc một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, nhưng những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 03/7/2025, tại xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, Trần Đình A đã giúp sức cho người đàn ông tên T bán 0,277 gam (không phải hai trăm bảy mươi bảy gam) ma túy loại Methamphetamine cho Lê Quang B, A được hưởng lợi 100.000 đồng. Sau khi có được ma túy thì B đem về nhà cất với mục đích để sử dụng cho bản thân và bán lại kiếm lời. Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 03/7/2025, tại phòng ngủ của Lê Quang B tại thôn Thanh Long, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, Đồn Biên phòng Cửa khẩu Cảng Kỳ Hà phối hợp với Đội Đặc nhiệm PCMT&TP- Phòng Nghiệp vụ Bộ đội biên phòng thành phố Đà Nẵng Kỳ phát hiện bắt quả tang Lê Quang B tàng trữ trái phép 0,277 gam (không phải hai trăm bảy mươi bảy gam) ma túy loại Methamphetamine để sử dụng và bán lại kiếm lời.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian tháng 6/2025, trên địa bàn thôn Thanh Long, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, Trần Đình A còn bán cho Võ Văn T1 01 gói ma túy Methamphetamine giá 300.000 đồng; A làm trung gian giúp sức cho T và B mua bán ma túy Methamphetamine với nhau 02 lần: 01 lần 01 gói giá 300.000 đồng, 01 lần 01 gói giá 200.000 đồng.

Methamphetamine là chất ma T1y nằm trong danh mục II.C số thứ tự: 247 ban hành kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định danh mục các chất ma T1y và tiền chất.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ được và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định bị cáo Trần Đình A phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma T1y*” theo điểm b khoản 2 Điều 251; bị cáo Lê Quang B phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma T1y*” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Đà Nẵng truy tố các bị cáo theo tội danh và hình phạt nói trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy: Methamphetamine là loại ma T1y gây nghiện cho người sử dụng, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe thể chất và tâm thần của người nghiện ma T1y, bị nhà nước nghiêm cấm việc sản xuất, mua bán, tàng trữ, sử dụng và các hình thức khác, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện việc mua bán ma T1y Methamphetamine với mục đích để sử dụng và bán lại kiếm lời.

Xét hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thì thấy: Hành vi của các bị cáo mua ma T1y về sử dụng và bán lại cho người khác đã trực tiếp góp phần làm gia tăng tệ nạn mua bán, sử dụng trái phép chất ma T1y trên địa bàn, gây bất ổn trật tự trị an, làm suy giảm sức khỏe, băng hoại đạo đức, lối sống của cá nhân những người nghiện ma T1y, gây ra nhiều hệ lụy xấu ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống xã hội nói chung và mỗi gia đình nói riêng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước về chất ma T1y và tiền chất ma T1y. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm minh để răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[2.2] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Trần Đình A, Lê Quang B chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo A tự thú về hành vi phạm tội trước đó. Vì vậy, bị cáo Trần Đình A, Lê Quang B được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); bị cáo Trần Đình A được áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét để áp dụng hình phạt tương xứng với mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[2.3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3] Về áp dụng biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy số ma T1y Methamphetamine còn lại sau giám định có khối lượng 0,260 gam được niêm phong trong phong bì niêm phong số 45/KL-KTHS dán kín, mặt sau tại mép dán niêm phong có dấu đỏ của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) nỏ thủy tinh và 01 (một) chai nhựa loại 280ml, nhãn hiệu WONDERFARM, trên nắp chai có đục 02 (hai) lỗ tròn. Trong đó, 01 (một) lỗ gắn nỏ thủy tinh đã bị bể phần bầu nỏ và 01 (một) lỗ gắn ống hút nhựa.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu “mobell” bên trong có gắn thẻ sim Viettel số 0867247397 của Trần Đình A được sử dụng vào việc liên lạc mua bán ma T1y.

- Truy thu số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) của Trần Đình A thu lợi bất chính từ việc bán ma T1y cho Lê Quang B và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) tiền A bán ma T1y cho Võ Văn T1. Tổng cộng là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

[4] Các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Quá trình điều tra, Trần Đình A khai sử dụng điện thoại di động số 0867247397 của A liên hệ đến số điện thoại 0362281133 của Nguyễn Tấn T (sinh năm 1993, trú: thôn Tịch Tây, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng) để mua ma túy bán cho Lê Quang B và nhiều lần giúp T bán ma túy, A nhận dạng được qua hình ảnh T. Kết quả xác minh tài khoản số 040080023921 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín là do Nguyễn Tấn T làm chủ đăng ký bởi số điện thoại 0362281133. Cơ quan CSĐT yêu cầu nhà mạng viễn thông cung cấp dữ liệu điện tử đối với số điện thoại 0362281133, kết quả không rõ chủ thuê bao; Lê Quang B khai không biết T là ai. Qua xác minh tại Công an xã Núi Thành thì Nguyễn Tấn T không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được, chưa tiến hành đối chất, chưa thu thập được lời khai của T để làm rõ các tình tiết liên quan. Do đó chưa có đủ chứng cứ để xác định Nguyễn Tấn T thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma T1y, nên Cơ quan CSĐT đã ra quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số D162/QĐ-CSMT ngày 16/01/2026 và thụ lý thành nguồn tin độc lập để điều tra, xác minh xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Quang B và Trần Đình A: Quá trình điều tra xác định, A và B không nằm trong diện theo quy định của Điều 256a của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) nên Công an thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với B và A là đúng quy định.

Đối với An Văn N cho Lê Quang B mượn điện thoại và xe mô tô, B sử dụng vào việc phạm tội nhưng N không biết việc B sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy nên không cơ sở để xử lý đối với N.

Việc Lê Quang B lấy điện thoại và sim số của bà Dương Thị C (mẹ đẻ B) sử dụng vào việc phạm tội nhưng bà C không biết nên không đề cập xử lý đối với bà C.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo: Trần Đình A và Lê Quang B phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma T1y*”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025);

Xử phạt bị cáo Trần Đình A **08 (Tám) năm tù**. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 04 tháng 7 năm 2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025);

Xử phạt bị cáo Lê Quang B **04 (Bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 04 tháng 7 năm 2025.

[2] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy số ma T1y còn lại sau giám định có khối lượng 0,260 gam được niêm phong trong phong bì niêm phong số 45/KL-KTHS dán kín, mặt sau tại mép dán niêm phong có dấu đỏ của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) nỏ thủy tinh và 01 (một) chai nhựa loại 280ml, nhãn hiệu WONDERFARM, trên nắp chai có đục 02 (hai) lỗ tròn. Trong đó, 01 (một) lỗ gắn nỏ thủy tinh đã bị bể phần bầu nỏ và 01 (một) lỗ gắn ống hút nhựa.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu “mobell” bên trong có gắn thẻ sim Viettel số 0867247397 của Trần Đình A được sử dụng vào việc liên lạc mua bán ma T1y.

(vật chứng hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Đà Nẵng quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 67/QĐ-VKSKV5 ngày 02-02-2026).

- Truy thu số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) của Trần Đình A thu lợi bất chính từ việc bán ma T1y cho Lê Quang B và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền A bán ma T1y cho Võ Văn T1. Tổng cộng là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Đình A và bị cáo Lê Quang B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông báo họp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Đinh Văn Xô

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 5 - Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ;

Đinh Văn Xô

